

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 152/2018/HNGĐ

Ngày: 27/8/2018

V/v Tranh chấp:

“ Xin ly hôn ”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Hoa*

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Lê Thị Minh Thắm.

+ Bà Lê Thị Thu Yến.

Thư ký phiên tòa bà Nguyễn Thị Huyền Ni – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Thúy - kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 507/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/7/2018 về việc tranh chấp “ Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2018/QĐXX-ST ngày 03/8/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 78/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2018 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn: Nguyễn Thị M*, sinh năm: 1980 (có mặt).

Địa chỉ: 1282, ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2/ *Bị đơn: Lữ Thông T*, sinh năm: 1979 (có mặt).

Địa chỉ: 1282, ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà và ông T quen biết tìm hiểu nhau, tổ chức đám cưới năm 2005 có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Đến năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống về tiền bạc, vợ chồng không có tiền làm nhà, vợ chồng mượn tiền xây nhà nên từ đó có nợ nần, thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng ly thân từ năm 2017, nhưng bà về bên cha mẹ ruột sống từ tháng 5/2018 cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông T

- Về con chung: Có 01 cháu Lữ Gia H, sinh ngày 12/8/2007, hiện nay ông T đang nuôi con. Khi ly hôn bà đồng ý giao cho ông T tiếp tục nuôi con, bà không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Có tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án ông Lữ Thông T trình bày:

Ông T thống nhất lời trình bày của bà M về thời gian kết hôn và chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng xây nhà thiếu tiền nên có mượn nợ tiền anh chị em bên vợ nên từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, vợ bỏ nhà về cha mẹ vợ sống từ tháng 5/018. Nay vợ xin ly hôn ông không đồng ý.

- Về con chung: Có 01 cháu Lữ Gia H, sinh ngày 12/8/2007, hiện nay ông đang nuôi con. Nếu Tòa án cho ly hôn ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Có tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Có tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán tuân thủ đúng quy định của pháp luật như tiến hành xác minh, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xác minh, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa tuân thủ đúng qui định pháp luật.

Về nội dung: Tóm tắt và nhận định nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M; Con chung có 01 cháu Lữ Gia H, sinh ngày 12/8/2007, ông bà thỏa thuận giao cho ông T tiếp tục nuôi ghi nhận, bà M không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung có tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung có tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị M và ông Lữ Thông T là tranh chấp “ Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn với ông Lữ Thông T; Con chung có 01 cháu Lữ Gia H, sinh ngày 12/8/2007, sau khi ly hôn bà đồng ý giao cho ông T trực tiếp nuôi, bà không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con; có bao nhiêu cho con bấy nhiêu; Tài sản chung có tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung có tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tại phiên tòa ông Lữ Thông T không đồng ý ly hôn; nếu Tòa án cho ly hôn ông yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Lữ Gia H, sinh ngày 12/8/2007, ông không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung có tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung có tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét các yêu cầu của các đương sự:

[1] Về hôn nhân: Ông Lữ Thông T và bà Nguyễn Thị M chung sống với nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Đến năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống về tiền bạc, vợ chồng không có tiền làm nhà, vợ chồng mượn tiền của anh chị em bên vợ để xây nhà nên từ đó có nợ nần, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng ly thân từ tháng 5 năm 2017 nhưng vẫn sống chung nhà. Đến tháng 5/2018 bà M về bên cha mẹ ruột sống cho đến nay.

Nay bà M yêu cầu ly hôn với ông T. Xét thấy bà M, ông T tự tìm hiểu chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do ông bà không đủ tiền làm nhà nên ông bà mượn tiền của anh chị em bên vợ, từ đó ông bà thường xuyên cự cãi nhau, trong cuộc sống hàng ngày ông T khó khăn với bà M, ông bà sống ly thân từ năm 2017 nhưng ông bà vẫn sống chung nhà, công việc của ai nấy làm không lo cho nhau, không quan tâm cho nhau, bà M bỏ về nhà cha mẹ ruột bà M sống từ tháng 5/2018 cho đến nay, trong thời gian bà M về nhà cha mẹ ruột sống ông T không tới lui trao đổi tình cảm và đưa ra biện pháp để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ mà ông bà làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt bà M yêu cầu ly hôn với ông Lữ Thông T là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M.

[2] Về con chung: Có 01 cháu Lữ Gia H sinh ngày 12/8/2007, hiện nay ông T đang nuôi, khi ly hôn bà M, ông T thỏa thuận ông T tiếp tục trực tiếp nuôi cháu H, ông T không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu H từ nhỏ sống chung với ông bà, nhưng từ khi ông bà sống ly thân thì ông T là người trực tiếp nuôi cháu H chăm sóc lo ăn mặc, học chu đáo, để cho cháu H có cuộc sống ổn định và không ảnh hưởng tâm lý của cháu H. Hơn nữa cháu Huy có nguyện vọng muốn sống với cha. Ông T, bà M thỏa thuận giao cho ông T trực tiếp nuôi cháu H là phù hợp với nguyện vọng của cháu H và phù hợp với quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ông T, bà M giao cho ông T trực tiếp nuôi cháu Lữ Gia H.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lữ Thông T là người trực tiếp nuôi cháu H nhưng không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viên kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí HNGĐ: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều a khoản 1 Điều 35; Điều a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.
 - Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Lữ Thông T
 - Về con chung: Giao cho ông Lữ Thông T trực tiếp nuôi cháu Lữ Gia H sinh ngày 12/8/2007. Bà Nguyễn Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà M có quyền đến trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí HNGĐ: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012882 ngày 20/7/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bà Nguyễn Thị M, ông Lữ Thông T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THA dân sự TP M
- Các đương sự;
- (Đăng ký kết hôn năm 2005
phường T - TP M)
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Võ Thị Ngọc Hoa